TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 503/2023/DS-PT
Ngày: 22-12-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tài;

Ông Lê Sỹ Trứ.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Minh Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa***: Ông Lê Ngọc Ấn - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 353/2023/TLPT-DS ngày 19/10/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2023/DS-ST ngày 09/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết đưa vụ án ra xét xử số 379/2023/QĐPT-DS ngày 31 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Thảo N, sinh năm 1999; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh An Giang.

Người địa diện hợp pháp của nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1999; địa chỉ: thôn B, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; địa chỉ liên hệ: số A, lô B Công viên phần mềm Q, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 20/3/2023); có mặt.

2. Bà Trần Thanh H, sinh năm 1995; địa chỉ: thôn C, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Giấy ủy quyền ngày 27/11/2023); có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Yue C, sinh năm 1976; địa chỉ: tổ A, thôn Z, T, huyện X, tỉnh Hà Nam (Trung Quốc); chỗ ở: số B khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Đào Thị X, sinh năm 1997; địa chỉ: Công ty L, tầng 2, số D- 42, đường N, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương (Giấy ủy quyền ngày 22/11/2023); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Phạm Thế H1 – Luật sư Công ty L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q; địa chỉ: tầng D, số B phố H, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

- *Người kháng cáo*: bị đơn ông Yue C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do trước đây giữa nguyên đơn và bị đơn có mối quan hệ quen biết nên ngày 11/01/2023, nguyên đơn có cho bị đơn mượn số tiền 236.000.000 đồng và việc vay mượn tiền có lập thành giấy cam kết trả nợ. Theo giấy cam kết trả nợ, bị đơn sẽ trả số tiền trên trong 03 tháng. Cụ thể: tháng 02/2023, trả số tiền 80.000.000 đồng; tháng 3/2023 trả số tiền 80.000.000 đồng và tháng 4/2023 trả số tiền 76.000.000 đồng. Mỗi tháng trả vào ngày 17 hàng tháng, nếu trong 05 ngày không thanh toán thì phải bồi thường thêm 10% phí chậm trả. Thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã giao số tiền 236.000.000 đồng tiền mặt cho bị đơn nhưng không có lập giấy tờ và cũng không có người chứng kiến việc nguyên đơn giao tiền cho bị đơn. Thực hiện nội dung thỏa thuận, bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền 80.000.000 đồng vào ngày 17/02/2023 của tháng 02/2023 như thỏa thuận trong giấy cam kết trả nợ ngày 11/01/2023, khi bị đơn trả số tiền 80.000.000 đồng cho nguyên đơn thì bị đơn có yêu cầu nguyên đơn ghi vào một tờ Phiếu chi đề ngày 17/02/2023 với nội dung nguyên đơn nhận số tiền 80.000.000 đồng và bị đơn còn nợ lại 156.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau đó bị đơn không tiếp tục trả số tiền còn lại cho nguyên đơn như thỏa thuận trong giấy cam kết trả nợ ngày 11/01/2023. Số tiền cho bị đơn mượn là tài sản riêng nguyên đơn.

Nay nguyên đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố T giải quyết các vấn đề sau: Yêu cầu ông Yue C trả số tiền vay gốc 156.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm tính đến ngày xét xử là 4.548.400 đồng. Cụ thể: Đối với số tiền 80.000.000 đồng tính từ ngày 23/3/2023 đến ngày xét xử (80.000.000 đồng x 04 tháng x 0,83%) là 2.656.000 đồng và đối với số tiền 76.000.000 đồng tính từ ngày 22/4/2023 đến ngày xét xử (76.000.000 đồng x 03 tháng x 0,83%) là 1.892.400 đồng.

Tổng cộng nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 160.548.400 đồng.

Các tài liệu, chứng cứ: Giấy cam kết trả nợ ngày 11/01/2023.

- Theo lời khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bị đơn trình bày: Vào năm 2022, bị đơn có nhờ nguyên đơn hỗ trợ công tác kế toán nội

bộ, chi lương cho công nhân tại Công ty TNHH T1 (là công ty B được ủy quyền thực hiện một số hoạt động của Công ty). Đến tháng 12/2022, nguyên đơn có đưa cho bị đơn bảng lương chi tiết của công nhân có chữ ký xác nhận của nguyên đơn thì bị đơn phát hiện ra bảng lương chi tiết bị chênh lệch nhiều hơn 60.000.000 đồng. Sau đó, bị đơn yêu cầu nguyên đơn cung cấp bảng lương tháng 8, 9, 10 và 11 năm 2022 để đối chiếu nhưng nguyên đơn không cung cấp nên giữa nguyên đơn và bị đơn phát sinh mâu thuẫn.

Vào tháng 01/2023, nguyên đơn có đưa bảng kê chi tiết các khoản chi từ tháng 05/2022 đến tháng 11/2022 và 01 bảng chi tổng, trong đó số tiền nguyên đơn đã tự ứng ra là 336.439.474 đồng và nguyên đơn yêu cầu bị đơn hoàn trả số tiền này cho nguyên đơn. Trong tháng 01/2023, bị đơn có trả cho nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng và nguyên đơn thừa nhận vào ngày 27/01/2023 có nhận số tiền trên của bị đơn; đồng thời yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền 236.439.474 đồng.

Hai bên tiếp tục trao đổi miệng với nhau nội dung chỉ cần nguyên đơn đưa lại toàn bộ tài liệu chi trả lương các tháng 8, 9, 10, 11 năm 2022 và các giấy tờ chứng minh liên quan đến việc chi các khoản chi phí liên quan đến số tiền 236.439.474 đồng thì bị đơn sẽ đồng ý trả lại số tiền trên cho nguyên đơn. Sau khi thỏa thuận về nguồn gốc và cách chi trả khoản nợ 236.000.000 đồng, vào ngày 11/01/2023 nguyên đơn có yêu cầu bị đơn ký vào tờ giấy cam kết trả nợ 236.000.000 đồng thì sau đó mới đưa lại các tài liệu của Công ty T1 cho bị đơn nên bị đơn đồng ý ký vào giấy cam kết trả nợ. Do có mối quan hệ thân thiết và để nguyên đơn hiểu thành ý trong việc trả nợ liên quan đến số tiền 236.439.747 đồng và chấm dứt việc nguyên đơn quấy rối bị đơn, làm ảnh hưởng đến tinh thần và công việc nên bị đơn đã đưa cho nguyên đơn số tiền 80.000.000 đồng vào ngày 17/02/2023 nhưng nguyên đơn vẫn không cung cấp tài liệu như bị đơn yêu cầu.

Sau khi bị kiện ra Tòa án, bị đơn mới biết bị nguyên đơn lừa dối và nhầm tưởng rằng việc ký giấy cam kết trả nợ ngày 11/01/2023 là để thực hiện theo thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn. Do bản thân bị đơn là người nước ngoài, không hiểu tiếng việt và giữa nguyên đơn với bị đơn có mối quan hệ thân thiết nên bị đơn rất tin tưởng nguyên đơn nên khi thấy số tiền trên giấy cam kết trả nợ ngày 11/01/2023 sau khi trừ 100.000.000 đồng bị đơn đã trả cho nguyên đơn vào đầu tháng 01/2023 khớp với bảng chi tiêu từ tháng 5 đến tháng 11 năm 2022 do nguyên đơn cung cấp. Do đó bị đơn đồng ý ký vào giấy cam kết trả nợ ngày 11/01/2023. Chữ ký trong giấy cam kết trả nợ đề ngày 11/01/2023 mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án có trong hồ sơ vụ án là chữ ký của bị đơn.

Bị đơn xác định không có vay số tiền 236.000.000 đồng của nguyên đơn. Do nguyên đơn thường xuyên đe dọa bị đơn và nguyên đơn yêu cầu bị đơn ký vào giấy cam kết trả nợ nên bị đơn mới ký vào giấy cam kết trả nợ ngày 11/01/2023.

Nếu nguyên đơn cho rằng bị đơn có mượn số tiền 236.000.000 đồng thì đề nghị cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh nguyên đơn giao số tiền trên cho bị đơn.

Ngày 17/02/2023, bị đơn đưa số tiền 80.000.000 đồng cho bà N là do bà N đe dọa bị đơn nên bị đơn mới đưa số tiền 80.000.000 đồng cho bà N chứ không phải bị đơn trả nợ cho bà N theo giấy cam kết trả nợ ngày 11/01/2023. Khi bị đơn đưa số tiền 80.000.000 đồng cho bà N thì có yêu cầu bà N lập một phiếu chi đề ngày 17/02/2023 như nguyên đơn cung cấp cho Tòa án. Do đó đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn không chấp nhận.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 56/2023/DS-ST ngày 09/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thảo N đối với bị đơn ông Yue C.

Buộc ông Yue C có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Thảo N số tiền gốc 156.000.000 đồng và 4.548.400 đồng tiền lãi.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, trách nhiệm thi hành án về quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi tuyên án sơ thẩm, ngày 22/8/2023, bị đơn ông Yue C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Tại Tòa án cấp phúc thẩm, bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì mới làm thay đổi nội dung vụ án. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tranh tụng của các đương sự tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: kháng cáo của bị đơn ông Yue C trong thời hạn luật định, do đó, Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn trình bày: do nguyên đơn và bị đơn có mối quan hệ quen biết vào ngày 11/01/2023 nguyên đơn cho bị đơn mượn 236.000.000 đồng, việc vay mượn có lập giấy cam kết trả nợ. Thời hạn trả nợ 03 tháng, nguyên đơn đã giao

số tiền 236.000.000 đồng tiền mặt cho bị đơn. Ngày 17/02/2023, bị đơn trả cho nguyên đơn 80.000.000 đồng, số tiền còn lại 156.000.000 đồng bị đơn không trả theo đúng giấy cam kết trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả số tiền gốc 156.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm, tính đến ngày xét xử là 4.548.400 đồng.

Bị đơn trình bày: năm 2022 bị đơn có nhờ nguyên đơn hỗ trợ công tác kế toán nội bộ chi lương cho công nhân tại Công ty TNHH T1. Đến tháng 12/2022, nguyên đơn giao bảng lương của công nhân có chữ ký xác nhận của nguyên đơn thì có chênh lệch số tiền 60.000.000 đồng và bị đơn yêu cầu nguyên đơn cung cấp bảng lương tháng 8, 9, 10, 11 năm 2022 để đối chiếu nhưng nguyên đơn không cung cấp. Tháng 01/2023, nguyên đơn giao bảng kê chi tiết các khoản chi từ tháng 05 đến tháng 11 năm 2022 và bảng chi tổng nguyên đơn đã tự ứng ra số tiền 336.439.474 đồng và nguyên đơn yêu cầu trả số tiền này. Ngày 27/01/2023 bị đơn có trả 100.000.000 đồng cho nguyên đơn. Đến ngày 17/02/2023, bị đơn trả tiếp 80.000.000 đồng cho nguyên đơn và yêu cầu tiếp tục trả số tiền 156.439.474 đồng. Bị đơn xác định không vay tiền của nguyên đơn. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trả số tiền 156.000.000 đồng và tiền lãi thì bị đơn không chấp nhận.

Xét: căn cứ vào tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện:

Tại Giấy cam kết trả nợ được lập ngày 11/01/2023 (bút lục 24) có nội dung: tôi tên Yue C, sinh ngày 21/02/1976, hộ chiếu số: E99363863, nơi ở: B, khu phố B, T, T, Bình Dương.

Tôi tên: Trần Thị Thảo N, sinh ngày: 25/5/1999, CCCD số: 089199017234, nơi ở: A, khu phố B, T, T, Bình Dương.

Cùng thống nhất ký bản thoả thuận với nội dung sau:

Hôm nay ngày 11/01/2023, tôi có mượn Trần Thị Thảo N số tiền là 236.000.000 đồng (hai trăm ba mươi sáu triệu đồng chẵn) và tôi sẽ trả số tiền này trong vòng 03 tháng như sau:

Tháng 02/2023: 80.000.000 VND (tám mươi triệu đồng chẵn)

Tháng 03/2023: 80.000.000 VND (tám mươi triệu đồng chẵn)

Tháng 04/2023: 76.000.000 VND (bảy mươi sáu triệu đồng chẵn)

Mỗi tháng sẽ trả vào ngày 17 hằng tháng nếu như trong vòng 05 ngày không thanh toán cho Trần Thị Thảo N thì phải trả số tiền cần trả hằng tháng và bồi thường thêm 10% phí chậm trễ và giấy cam kết này sẽ có hiệu luật trước pháp luật Việt Nam, nếu vi phạm tôi sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hai bên ký tên và ghi họ tên, đến ngày 17/02/2023 bị đơn đã trả cho nguyên đơn 80.000.000 đồng có lập phiếu chi nguyên đơn nhận số tiền 80.000.000 đồng (bút lục 63). Các bên thừa nhận đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại Giấy cam kết trả nợ ngày 11/01/2023, bị đơn cho rằng không vay tiền của nguyên đơn, do tin tưởng đã bị nguyên đơn lừa dối và thường xuyên đe dọa, yêu cầu ký vào giấy cam kết trả nợ nên bị đơn mới ký giấy cam kết trả nợ ngày 11/01/2023 và bị đơn đưa số tiền 80.000.000 đồng, chứ không phải bị đơn trả nợ cho nguyên đơn. Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, bị đơn cung cấp các tin nhắn giữa nguyên đơn và bị đơn trao đổi qua lại với nhau, bị đơn cho rằng nguyên đơn đã đe dọa buộc bị đơn phải trả tiền.

Xét: các tin nhắn trao đổi qua lại cũng như quá trình tố tụng giải quyết vụ án các đương sự cung cấp, bị đơn cho rằng nguyên đơn đe dọa bị đơn, xét những tin nhắn có nội dung đe dọa nhưng các tin nhắn không thể hiện được việc nguyên đơn đe dọa bị đơn phải ký tên vào giấy cam kết trả nợ ngày 11/01/2023 và tin nhắn không thể hiện việc nguyên đơn đe dọa bị đơn phải trả tiền trước khi bị đơn ký giấy cam kết trả nợ ngày 11/01/2023. Cũng tại phiên toà sơ thẩm bị đơn trình bày các tin nhắn không thể hiện đe dọa liên quan đến số tiền 236.000.000 đồng. Do vậy, có căn cứ xác định bị đơn vay số tiền 236.000.000 đồng của nguyên đơn và bị đơn đã trả số tiền 80.000.000 đồng. Ngày 17/02/2023, bị đơn còn nợ chưa thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn lại 156.000.000 đồng, việc bị đơn không thanh toán cho nguyên đơn số tiền trên là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị đơn phải thanh toán số tiền 156.000.000 đồng là có căn cứ.

Đối với tiền lãi: nguyên đơn và bị đơn thoả thuận tháng 03/2023 bị đơn trả 80.000.000 đồng và tháng 04/2023 bị đơn trả số tiền 76.000.000 đồng. Thời hạn trả tiền vào ngày 17 hằng tháng, nếu như trong vòng 05 ngày không thanh toán thì phải bồi thường thêm 10% phí chậm trễ theo giấy cam kết trả nợ ngày 11/01/2023. Vậy hợp đồng vay tiền này có kỳ hạn và có thoả thuận lãi suất chậm thanh toán, do đó Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng mức lãi suất 10%/năm là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về thời gian tính lãi: theo giấy cam kết trả nợ ngày 11/01/2023, bị đơn mượn nguyên đơn số tiền 236.000.000 đồng, đến ngày 17/02/2023 bị đơn đã trả 80.000.000 đồng, còn lại 156.000.000 đồng không trả. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo mức lãi suất 10%/năm. Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng thời gian tính lãi từ 23/3/2023 đến ngày xét xử đối với tiền 80.000.000 đồng là 2.656.000 đồng, từ ngày 22/4/2023 đến ngày xét xử đối với số tiền 76.000.000 đồng là 1.892.400 đồng, tổng cộng tiền lãi: 4.548.400 đồng là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá toàn diện các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên, xét xử phù hợp với quy định pháp luật.

Việc kháng cáo của bị đơn nhưng tại cấp phúc thẩm bị đơn không có tài liệu, chứng cứ nào khác, làm thay đổi nội dung vụ án nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: người kháng cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Yue C; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2023/DS-ST ngày 09/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Yue C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm tại Biên lai số 0012995 ngày 06/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố T;
- TAND thành phố T;
- Các đương sự;
- Tổ hành chính tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trung Dũng